

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Minh Thư.

2. Bà: Dương Thị Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXX-ST ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sạch Thị Kiều T; Sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 4 thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Đức H; Sinh năm 1989.

Tạm trú: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nơi công tác: Trạm Y tế xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nghề nghiệp: Cán bộ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sạch Thị Kiều T trình bày:

Chị và anh Phan Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn ngày 02/01/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng mỗi người ở một nơi, do anh H đi công tác xa nhà, không hay về nhà, vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp anh H nghi ngờ chị có đi chơi với người khác không chung thủy, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm bị sút mẻ và không thể hàn gắn lại được, tiếp tục cuộc sống hôn nhân như vậy sẽ chỉ gây mệt mỏi và mâu thuẫn

hơn cho cả hai bên. Vợ chồng từ khi tìm hiểu yêu nhau quá giới hạn dẫn đến có thai trước khi cưới, khi mang thai anh H không tôn trọng, không chăm sóc động viên mà còn quát mắng, sau khi sinh con chị bị liệt hai chân mấy tuần ở bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Nguyên, anh H không quan tâm chăm sóc, và có nhiều lời nói xúc phạm gia đình bên ngoại. Mỗi lần cãi chửi nhau sau đó anh H có xin lỗi và hứa sẽ sửa, được một thời gian lại xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã được hai bên gia đình góp ý hòa giải nhiều lần không thành, sau đó vào cuối năm 2019 anh H viết đơn ly hôn do bố mẹ ngăn cản tôi không ký vào đơn ly hôn. Nay chị thấy anh H đang công tác và trú tại huyện B, tỉnh Hà Giang nên chị đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện B giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra vợ chồng còn nghi ngờ nhau không tin tưởng nhau, không tạo điều kiện cho nhau, anh H thường xuyên gọi điện theo dõi hàng ngày, vì những mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên từ tháng 02/2020 vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay thấy vợ chồng tình cảm không còn nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài được, hôn nhân không tồn tại được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Đức H. Mức thu nhập Hợp đồng tại Cty cổ phần COKYVN từ ngày 01/4/2020, với mức lương hiện tại là 15.143.600đ (mười lăm triệu một trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm đồng), ngoài ra bán hàng Online thu nhập thêm mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) và hiện chỗ làm việc thuê nhà ở riêng ổn định.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung Phan Đức L, sinh ngày 26/10/2017 hiện đang ở cùng bố mẹ tôi; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, nợ riêng: Không có.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu giải quyết: Về quan hệ hôn nhân được ly hôn với anh Phan Đức H; Về con chung được nuôi con Phan Đức L, sinh ngày 26/10/2017 không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, nợ riêng: Không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phan Đức H tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày: Về thời gian xây dựng gia đình tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn, con chung là đúng như nguyên đơn chị T trình bày đến thời điểm tại phiên tòa hôm nay; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, nợ riêng không có. Trong quá trình sinh sống vợ chồng không ở gần nhau liên tục do công tác mỗi người một nơi xa cách nhau tôi mỗi tháng về một đến hai lần, việc chị T nói khi sinh con nói bị liệt không nói cho tôi biết, mỗi lần gọi điện hỏi thăm vợ qua mạng Zalo, Messenger chị T cho rằng theo dõi không tin tưởng nhau, tôi vẫn lên gặp chị T lại có thái độ không gặp, nhưng tôi vẫn thấy vui vẻ hạnh phúc, không bất đồng quan điểm sống, đến cuối năm 2019 do chúng tôi có chút hiểu lầm nhau về tình cảm nhưng sau đó tôi đã thông cảm cho nhau, và luôn quan tâm thương yêu vợ con, vì con còn quá nhỏ sống không thể thiếu tình cảm cha, mẹ. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng ai cũng có lúc này, lúc kia, tôi nghĩ vợ còn trẻ, suy nghĩ nông nổi nên muốn ly hôn. Mức thu nhập lương mỗi tháng 11.208.000đ (mười một triệu hai trăm linh tám nghìn đồng),

ngoài ra khám chữa bệnh thêm tại xã mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) và có chỗ làm việc tại xã ổn định.

Tại phiên tòa anh H yêu cầu giải quyết: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu giải quyết cho vợ chồng quay về đoàn tụ; Nếu ly hôn xin được nuôi con Phan Đức L, sinh ngày 26/10/2017 vì chị T gửi ở bà ngoại nuôi, không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, nợ riêng: Không có không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đối với ông Sạch Hữu S là bố đẻ của chị T xác định. Chị T kết hôn với anh H vào năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng không chung sống cùng nhau, chị T thì ở cùng ông, anh H đi công tác tại huyện B. Quá trình chung sống thấy giữa anh H và chị T không hạnh phúc, có vẻ anh H lấy chị T như có sự ép buộc, miễn cưỡng vì chị T đã có thai trước nên anh H có vẻ không có tình cảm, có thái độ không quan tâm đến vợ con. Việc ly hôn lúc đầu anh H có làm đơn yêu cầu giải quyết trước, nhưng được hai bên gia đình can ngăn, sau đó vợ chồng sống cũng không hạnh phúc nên chị T đã làm đơn ly hôn. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng ít gặp nhau, đã sống ly thân nhau, chị T và anh H đoàn tụ là rất khó.

Tại phiên tòa hai bên đương sự tranh luận, nguyên đơn chị Sạch Thị Kiều T và bị đơn anh Phan Đức H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan như việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, đúng các nội dung quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sạch Thị Kiều T được ly hôn với anh Phan Đức H.

Về con chung: Giao cho chị Sạch Thị Kiều T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Đức L, sinh ngày 26/10/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Phan Đức H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh Phan Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà

không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Về án phí: Chị Sạch Thị Kiều T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Sạch Thị Kiều T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang, theo biên lai số 07143 ngày 11/6/2020.

Anh Phan Đức H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại thời điểm thụ lý vụ án nguyên đơn chị Sạch Thị Kiều T ở Tổ 4 thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng và bị đơn anh Phan Đức H nơi cư trú tại huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sạch Thị Kiều T và anh Phan Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống với nhau mỗi người một nơi, do anh H đi công tác xa nhà, không hay về nhà, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do nghi ngờ về tình cảm không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm bị sút mẻ không cảm thông cho nhau, nên từ tháng 02/2020 vợ chồng đã sống ly thân không gặp nhau. Ngoài ra Tòa đã hòa giải để cho vợ chồng quay về đoàn tụ hàn gắn lại những vết dạn nứt tình cảm chung sống với nhau để cùng nhau nuôi dạy con khôn lớn như bao gia đình khác. Nhưng chị T một mực xin ly hôn kể từ thời điểm viết đơn khởi kiện đến nay, Hội đồng xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H ngày càng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T không nhất trí quay lại đoàn tụ với chồng anh H, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T là phù hợp với quy định Điều 51, 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có một con chung Phan Đức L, sinh ngày 26/10/2017 hiện nay cháu L đang được chị T nuôi dưỡng ổn định, xét thấy cháu Lâm còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Phan Đức L cho chị Sạch Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm non con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sạch Thị Kiều T. Xử cho chị Sạch Thị Kiều T được ly hôn với anh Phan Đức H.

2. Về con chung: Giao cho chị Sạch Thị Kiều T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Đức L, sinh ngày 26/10/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Phan Đức H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Phan Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Chị Sạch Thị Kiều T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Sạch Thị Kiều T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang, theo biên lai số 07143 ngày 11/6/2020.

Anh Phan Đức H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT N, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công